Ký bởi: Cổng thông tin điện tử
Email: cttdt.vpubnd@bacninh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bắc Ninh
Thời gian ký: 16.12.2024 09:00:52 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1676/QĐ-UBND	*Bắc Ninh, ngày 13 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và điều chỉnh mức độ cung cấp dịch vụ công thuộc chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 quy định về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 2916/QĐ-BKHĐT ngày 06/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 56/TTr - SKHĐT ngày 09/12/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 24 thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 19 dịch vụ công điều chỉnh mức độ cung cấp thuộc chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, xây dựng sửa đổi, bổ sung quy trình nội bộ trong giải quyết theo mức độ triển khai, trình Chủ tịch

UBND tỉnh phê duyệt (nếu có). Thời hạn hoàn thành chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, tái cấu trúc quy trình thực hiện thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo mức độ triển khai. Thời hạn hoàn thành chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.

- Niêm yết và phối hợp cơ quan có liên quan niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo Quyết định này tại nơi tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế một phần Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh Công bố danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần thực hiện tại 3 cấp áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VP Chính phủ);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TTTT; Trung tâm HCC tỉnh (để p/h);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, KSTT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Quang Khải

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TOÀN TRÌNH VÀ ĐIỀU CHỈNH MỨC ĐỘ CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số	Ghi chú
A	**Danh mục TTHC đủ điều kiện cung cấp mới DVC toàn trình**		
A.1	**Cấp tỉnh**		
I	LĨNH VỰC CHUYỂN ĐỔI CÔNG TY NHÀ NƯỚC ĐƯỢC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THÀNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG THEO QUY ĐỊNH TẠI LUẬT DOANH NGHIỆP		
1.	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	2.002665.000.00.00.H05	
2.	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH MTV	2.002666.000.00.00.H05	
3.	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi	2.002667.000.00.00.H05	
II	LĨNH VỰC ĐẤU THẦU		
1.	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	1.012507.000.00.00.H05	
2.	Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	1.012508.000.00.00.H05	
3.	Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	1.012509.000.00.00.H05	
4.	Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	1.012510.000.00.00.H05	

A.2	**Cấp huyện**		
I	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ		
1.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	2.002123.000.00.00.H05	
2.	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	2.002635.000.00.00.H05	
3.	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	2.002635.000.00.00.H05	
4.	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	2.002636.000.00.00.H05	
5.	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	2.002637.000.00.00.H05	
6.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	2.002638.000.00.00.H05	
7.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	2.002639.000.00.00.H05	
8.	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	2.002640.000.00.00.H05	
9.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	2.002641.000.00.00.H05	
10.	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	2.002642.000.00.00.H05	

11.	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002643.000.00.00.H05	
12.	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	2.002644.000.00.00.H05	
13.	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002645.000.00.00.H05	
14.	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	2.002646.000.00.00.H05	
15.	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002648.000.00.00.H05	
16.	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002649.000.00.00.H05	
17.	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.002650.000.00.00.H05	
B	**Danh mục DVC điều chỉnh mức độ triển khai cung cấp DVC toàn trình**		
B.1	**Cấp tỉnh**		
I	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM		
1.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	1.009664.000.00.00.H05	Đang triển khai DVC một phần theo Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 24/7/2023
2.	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009665.000.00.00.H05	
3.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1.009671.000.00.00.H05	
II	LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA		
1.	Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	2.001999.000.00.00.H05	Đang triển khai DVC một phần theo Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 24/7/2023
B.1	**Cấp huyện**		
I	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH		

1.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	2.000575.000.00.00.H05	
2.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	1.001266.000.00.00.H05	
3.	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	1.001570.000.00.00.H05	
4.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	2.000720.000.00.00.H05	
5.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	1.001612.000.00.00.H05	
II	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ		
1.	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	1.005280.000.00.00.H05	
2.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	1.005277.000.00.00.H05	
3.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.004901.000.00.00.H05	
4.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	1.004979.000.00.00.H05	
5.	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.001958.000.00.00.H05	
6.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.005378.000.00.00.H05	

7.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	1.005377.000.00.00.H05	
8.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2.001973.000.00.00.H05	
9.	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1.004982.000.00.00.H05	
10.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1.005010.000.00.00.H05	